

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN KHÓA ĐH13 - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026
(Áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa 13)

1. Thời gian thi:

Ca 1: 8h, Ca 2: 10h, Ca 3: 13h30, Ca 4: 15h30, Ca 5: 17h30.

2. Một số lưu ý:

- Căn cứ lịch thi kết thúc học phần, các khoa phân công giảng viên ra đề thi, coi thi, chấm thi.
- Khoa/ Bộ môn, Cố vấn học tập, Chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo lịch thi tới sinh viên
- Trước khi thi 03 ngày làm việc, sinh viên xem phòng thi, danh sách thi trên website Trường và cổng thông tin sinh viên.

3. Lịch thi :

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
1	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	08/12/2025	Ca 5
2	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	08/12/2025	Ca 5
3	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	08/12/2025	Ca 5
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	08/12/2025	Ca 5
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	08/12/2025	Ca 5
6	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	08/12/2025	Ca 5
7	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ1	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	09/12/2025	Ca 5
8	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ1	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	09/12/2025	Ca 5
9	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ2	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	09/12/2025	Ca 5
10	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ2	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	09/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
11	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ3	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	09/12/2025	Ca 5
12	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ3	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	09/12/2025	Ca 5
13	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ1	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	10/12/2025	Ca 3
14	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ1	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	10/12/2025	Ca 3
15	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ2	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	10/12/2025	Ca 3
16	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ2	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	10/12/2025	Ca 3
17	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ3	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	10/12/2025	Ca 3
18	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ3	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	10/12/2025	Ca 3
19	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	11/12/2025	Ca 3
20	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	11/12/2025	Ca 3
21	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	11/12/2025	Ca 3
22	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	11/12/2025	Ca 3
23	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	11/12/2025	Ca 3
24	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	11/12/2025	Ca 3
25	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ1	3	Thực hành	A.801	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4
26	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ1	3	Thực hành	A.803	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4
27	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ2	3	Thực hành	A.804	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4
28	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ2	3	Thực hành	A.808	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
29	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ3	3	Thực hành	A.901	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4
30	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ3	3	Thực hành	A.902	12/12/2025	Ca 3 + Ca 4
31	KVKT105	Khí tượng động lực 2	ĐH13K	3	Trắc Nghiệm	A.702	15/12/2025	Ca 1
32	KVTV106	Kỹ thuật Viễn thám và GIS trong thủy văn	ĐH13T	3	Thực hành	A.801	15/12/2025	Ca 1 + Ca 2
33	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	15/12/2025	Ca 1 + Ca 2
34	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	15/12/2025	Ca 1 + Ca 2
35	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.808	15/12/2025	Ca 1 + Ca 2
36	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	15/12/2025	Ca 1 + Ca 2
37	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	15/12/2025	Ca 3
38	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	15/12/2025	Ca 3
39	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	15/12/2025	Ca 3
40	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	15/12/2025	Ca 3
41	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	15/12/2025	Ca 3
42	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	15/12/2025	Ca 3
43	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	15/12/2025	Ca 3 + Ca 4
44	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	15/12/2025	Ca 3 + Ca 4
45	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	15/12/2025	Ca 3 + Ca 4
46	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	15/12/2025	Ca 3 + Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
47	MTCM166	Công nghệ sinh học thực vật	ĐH13SH	3	Tự Luận (90 phút)	A.204	15/12/2025	Ca 5
48	KBHC105	Khí hậu và biến đổi khí hậu đại dương	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	15/12/2025	Ca 5
49	TNTĐ102	Khởi nghiệp trong lĩnh vực Tài nguyên nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	15/12/2025	Ca 5
50	MTQM158	Kinh tế học về kiểm soát ô nhiễm	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	15/12/2025	Ca 5
51	MTQM158	Kinh tế học về kiểm soát ô nhiễm	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	15/12/2025	Ca 5
52	NNTA114	Lý thuyết dịch	ĐH13NA	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	15/12/2025	Ca 5
53	NNTA114	Lý thuyết dịch	ĐH13NA	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	15/12/2025	Ca 5
54	NNTA114	Lý thuyết dịch	ĐH13NA	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	15/12/2025	Ca 5
55	KTPT104	Nghiên cứu marketing	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	15/12/2025	Ca 5
56	KTPT104	Nghiên cứu marketing	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	15/12/2025	Ca 5
57	KTPT104	Nghiên cứu marketing	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	15/12/2025	Ca 5
58	KTPT104	Nghiên cứu marketing	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	15/12/2025	Ca 5
59	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	15/12/2025	Ca 5
60	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	15/12/2025	Ca 5
61	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	15/12/2025	Ca 5
62	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	15/12/2025	Ca 5
63	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	15/12/2025	Ca 5
64	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	15/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
65	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	15/12/2025	Ca 5
66	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	ĐH13QTKS; ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	15/12/2025	Ca 5
67	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	15/12/2025	Ca 5
68	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	15/12/2025	Ca 5
69	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	15/12/2025	Ca 5
70	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	15/12/2025	Ca 5
71	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	15/12/2025	Ca 5
72	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	15/12/2025	Ca 5
73	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	15/12/2025	Ca 5
74	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	15/12/2025	Ca 5
75	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	15/12/2025	Ca 5
76	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	15/12/2025	Ca 5
77	MTĐQ186	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	15/12/2025	Ca 5
78	MTĐQ186	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	15/12/2025	Ca 5
79	TBTĐ105	Trắc địa cao cấp đại cương	ĐH13TĐ	4	Trắc Nghiệm	A.701	15/12/2025	Ca 5
80	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	15/12/2025	Ca 5
81	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	15/12/2025	Ca 5
82	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	15/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
83	BKPB111	Đánh giá biến đổi khí hậu	ĐH13BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	15/12/2025	Ca 5
84	ĐCĐK106	Địa vật lý đại cương	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	15/12/2025	Ca 5
85	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	16/12/2025	Ca 1
86	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	16/12/2025	Ca 1
87	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	16/12/2025	Ca 1
88	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.808	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
89	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.810	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
90	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
91	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
92	MTCM120	Tin học ứng dụng	ĐH13M	3	Thực hành	A.901	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
93	MTCM120	Tin học ứng dụng	ĐH13M	3	Thực hành	A.906	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
94	KVTV110	Tin học ứng dụng	ĐH13T	3	Thực hành	A.801	16/12/2025	Ca 1 + Ca 2
95	KVKT107	Khí tượng synop 2	ĐH13K	3	Vấn đáp	A.602	16/12/2025	Ca 2
96	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Vấn đáp	A.603	16/12/2025	Ca 2
97	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Vấn đáp	A.604	16/12/2025	Ca 2
98	NNTA124	Nghe-Nói 5	ĐH13NA	3	Vấn đáp	A.605	16/12/2025	Ca 2
99	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4
100	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
101	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4
102	CTKU105	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	ĐH13C	3	Thực hành	A.808	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4
103	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	16/12/2025	Ca 3
104	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ1	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	16/12/2025	Ca 3
105	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	16/12/2025	Ca 3
106	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ2	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	16/12/2025	Ca 3
107	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	16/12/2025	Ca 3
108	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ3	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	16/12/2025	Ca 3
109	MTCM120	Tin học ứng dụng	ĐH13M	3	Thực hành	A.901	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4
110	MTCM120	Tin học ứng dụng	ĐH13M	3	Thực hành	A.906	16/12/2025	Ca 3 + Ca 4
111	BKPB115	Các công ước quốc tế về biến đổi khí hậu	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	16/12/2025	Ca 5
112	MTQT181	Công nghệ bảo quản nông sản	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	16/12/2025	Ca 5
113	MTQT158	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	16/12/2025	Ca 5
114	MTQT158	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	16/12/2025	Ca 5
115	KBQB108	Năng lượng tái tạo biển	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	16/12/2025	Ca 5
116	TNTM103	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước đại cương	ĐH13TNN	3	Tự Luận (90 phút)	A.210	16/12/2025	Ca 5
117	KTPT105	Quản trị Marketing	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	16/12/2025	Ca 5
118	KTPT105	Quản trị Marketing	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	16/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
119	KTPT105	Quản trị Marketing	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	16/12/2025	Ca 5
120	KTPT105	Quản trị Marketing	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	16/12/2025	Ca 5
121	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	16/12/2025	Ca 5
122	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	16/12/2025	Ca 5
123	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	16/12/2025	Ca 5
124	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.106	16/12/2025	Ca 5
125	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.108	16/12/2025	Ca 5
126	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	16/12/2025	Ca 5
127	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	16/12/2025	Ca 5
128	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	16/12/2025	Ca 5
129	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	16/12/2025	Ca 5
130	KTDL108	Quản trị lễ tân	ĐH13QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	16/12/2025	Ca 5
131	KTDL137	Quản trị lễ tân khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	16/12/2025	Ca 5
132	KTDL137	Quản trị lễ tân khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	16/12/2025	Ca 5
133	KTDL137	Quản trị lễ tân khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	16/12/2025	Ca 5
134	KTDL137	Quản trị lễ tân khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	16/12/2025	Ca 5
135	KTKH110	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	16/12/2025	Ca 5
136	KTKH110	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.304	16/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
137	KTKH110	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.305	16/12/2025	Ca 5
138	KTKH110	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	16/12/2025	Ca 5
139	ĐCQT117	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	ĐH13KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	16/12/2025	Ca 5
140	TBBV104	Xử lý ảnh vệ tinh	ĐH13TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	16/12/2025	Ca 5
141	MTĐQ188	Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	16/12/2025	Ca 5
142	MTĐQ188	Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	16/12/2025	Ca 5
143	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 1	2	Bài tập lớn	A.501	17/12/2025	Ca 1 + Ca 2
144	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 1	2	Bài tập lớn	A.502	17/12/2025	Ca 1 + Ca 2
145	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 2	2	Bài tập lớn	A.503	17/12/2025	Ca 1 + Ca 2
146	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 2	2	Bài tập lớn	A.504	17/12/2025	Ca 1 + Ca 2
147	KVKT109	Khí hậu và khí hậu Việt Nam	ĐH13K	3	Vấn đáp	A.606	17/12/2025	Ca 2
148	TBTĐ113	Định vị vệ tinh	ĐH13TĐ	3	Trắc Nghiệm	A.701	17/12/2025	Ca 2
149	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 3	2	Bài tập lớn	A.501	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4
150	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 3	2	Bài tập lớn	A.502	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4
151	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 4	2	Bài tập lớn	A.503	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4
152	CTKU109	Công nghệ phần mềm	ĐH13C- Lớp 4	2	Bài tập lớn	A.504	17/12/2025	Ca 3 + Ca 4
153	MTQT182	An toàn sinh học	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	17/12/2025	Ca 5
154	BKPB116	Chính sách biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	17/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
155	KVTV112	Chỉnh biên thủy văn	ĐH13T	3	Tự Luận (90 phút)	A.205	17/12/2025	Ca 5
156	QĐCT116	Cơ sở dữ liệu bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	17/12/2025	Ca 5
157	QĐCT116	Cơ sở dữ liệu bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	17/12/2025	Ca 5
158	MTQM159	Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	17/12/2025	Ca 5
159	MTQM159	Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	17/12/2025	Ca 5
160	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	17/12/2025	Ca 5
161	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	17/12/2025	Ca 5
162	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	17/12/2025	Ca 5
163	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13LQ	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	17/12/2025	Ca 5
164	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	17/12/2025	Ca 5
165	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	17/12/2025	Ca 5
166	MTCM123	Kỹ thuật xử lý nước thải	ĐH13M	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	17/12/2025	Ca 5
167	KBQB109	Quản lý nguồn lợi hải sản	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	17/12/2025	Ca 5
168	MTĐQ190	Quản lý và kiểm soát phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	17/12/2025	Ca 5
169	MTĐQ190	Quản lý và kiểm soát phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	17/12/2025	Ca 5
170	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	17/12/2025	Ca 5
171	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	17/12/2025	Ca 5
172	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	17/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
173	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	17/12/2025	Ca 5
174	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	17/12/2025	Ca 5
175	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	17/12/2025	Ca 5
176	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	17/12/2025	Ca 5
177	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	17/12/2025	Ca 5
178	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	17/12/2025	Ca 5
179	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	17/12/2025	Ca 5
180	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	17/12/2025	Ca 5
181	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	17/12/2025	Ca 5
182	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	17/12/2025	Ca 5
183	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	17/12/2025	Ca 5
184	TNTM104	Tính toán và dự báo nhu cầu sử dụng nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	17/12/2025	Ca 5
185	ĐCQT107	Địa hóa môi trường	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	17/12/2025	Ca 5
186	NNTA125	Đọc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	17/12/2025	Ca 5
187	NNTA125	Đọc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	17/12/2025	Ca 5
188	NNTA125	Đọc-Viết 5	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	17/12/2025	Ca 5
189	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	A.901	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2
190	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	A.903	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
191	QĐCT113	Tin học ứng dụng 2	ĐH13BĐS	3	Thực hành	A.904	18/12/2025	Ca 1 + Ca 2
192	KVKT110	Dự báo số trị	ĐH13K	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	18/12/2025	Ca 2
193	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	18/12/2025	Ca 2
194	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	18/12/2025	Ca 2
195	NNTA126	Ngữ pháp tiếng Anh 2	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	18/12/2025	Ca 2
196	TNTĐ110	Phân tích đánh giá chất lượng nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	18/12/2025	Ca 2
197	MTQM181	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	18/12/2025	Ca 5
198	MTQM181	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	18/12/2025	Ca 5
199	BKPB121	Khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính	ĐH13BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	18/12/2025	Ca 5
200	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	18/12/2025	Ca 5
201	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	18/12/2025	Ca 5
202	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	18/12/2025	Ca 5
203	KTPT110	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	ĐH13MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	18/12/2025	Ca 5
204	MTQT183	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	18/12/2025	Ca 5
205	TBTĐ121	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH13TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	18/12/2025	Ca 5
206	KBQB110	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	18/12/2025	Ca 5
207	MTQT160	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	18/12/2025	Ca 5
208	MTQT160	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	18/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
209	ĐCQT108	Tin học địa chất 1	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	18/12/2025	Ca 5
210	KVTV113	Tính toán thủy văn	ĐH13T	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	18/12/2025	Ca 5
211	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	18/12/2025	Ca 5
212	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	18/12/2025	Ca 5
213	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	18/12/2025	Ca 5
214	KTKH119	Địa lý vận tải	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	18/12/2025	Ca 5
215	MTĐQ126	Quan trắc và phân tích môi trường nước	ĐH13M	4	Thực hành	C.501	19/12/2025	Ca 1 + Ca 2
216	MTĐQ126	Quan trắc và phân tích môi trường nước	ĐH13M	4	Thực hành	C.507	19/12/2025	Ca 1 + Ca 2
217	KVKT114	Quan trắc khí tượng bề mặt 2	ĐH13K	3	Vấn đáp	A.610	19/12/2025	Ca 2
218	MTĐQ126	Quan trắc và phân tích môi trường nước	ĐH13M	4	Thực hành	C.501	19/12/2025	Ca 3 + Ca 4
219	MTĐQ126	Quan trắc và phân tích môi trường nước	ĐH13M	4	Thực hành	C.507	19/12/2025	Ca 3 + Ca 4
220	TNTM108	Chính sách quản lý Tài nguyên và Môi trường nước	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	19/12/2025	Ca 5
221	MTQT190	Chỉ thị sinh học môi trường	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	19/12/2025	Ca 5
222	MTĐQ192	Công nghệ chế biến thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	19/12/2025	Ca 5
223	MTĐQ192	Công nghệ chế biến thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	19/12/2025	Ca 5
224	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	19/12/2025	Ca 5
225	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	19/12/2025	Ca 5
226	NNTA129	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	19/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
227	MTQM160	Hạch toán quản lý môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	19/12/2025	Ca 5
228	MTQM160	Hạch toán quản lý môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	19/12/2025	Ca 5
229	KVTV117	Phân tích hệ thống nguồn nước	ĐH13T	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	19/12/2025	Ca 5
230	KBQB112	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	19/12/2025	Ca 5
231	ĐCQT112	Quản lý và phát triển di sản địa chất	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	19/12/2025	Ca 5
232	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	19/12/2025	Ca 5
233	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	19/12/2025	Ca 5
234	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	19/12/2025	Ca 5
235	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	19/12/2025	Ca 5
236	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	19/12/2025	Ca 5
237	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	19/12/2025	Ca 5
238	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	19/12/2025	Ca 5
239	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	19/12/2025	Ca 5
240	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	19/12/2025	Ca 5
241	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	19/12/2025	Ca 5
242	CTKU106	Trí tuệ nhân tạo	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	19/12/2025	Ca 5
243	BKPB122	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	19/12/2025	Ca 5
244	QĐQB128	Đăng ký bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	19/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
245	QĐQB128	Đăng ký bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	19/12/2025	Ca 5
246	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	19/12/2025	Ca 6
247	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	19/12/2025	Ca 6
248	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	19/12/2025	Ca 6
249	KTPT116	Truyền thông Marketing tích hợp	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	19/12/2025	Ca 6
250	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C1	3	Bài tập lớn	A.501	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
251	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C2	3	Bài tập lớn	A.502	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
252	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C3	3	Bài tập lớn	A.503	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
253	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C4	3	Bài tập lớn	A.504	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
254	NNTA132	Biên dịch	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	22/12/2025	Ca 2
255	NNTA132	Biên dịch	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	22/12/2025	Ca 2
256	NNTA132	Biên dịch	ĐH13NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	22/12/2025	Ca 2
257	KVKT121	Khí tượng cao không	ĐH13K	2	Vấn đáp	A.606	22/12/2025	Ca 2
258	LCPL112	Luật Hình sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	22/12/2025	Ca 2
259	LCPL112	Luật Hình sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	22/12/2025	Ca 2
260	LCPL112	Luật Hình sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	22/12/2025	Ca 2
261	LCPL112	Luật Hình sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	22/12/2025	Ca 2
262	MTQM161	Phân tích và đánh giá tác động môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	22/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
263	MTQM161	Phân tích và đánh giá tác động môi trường	ĐH13KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	22/12/2025	Ca 2
264	KVTV118	Truyền thông về thủy văn	ĐH13T	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	22/12/2025	Ca 2
265	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ4	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	22/12/2025	Ca 3
266	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ4	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	22/12/2025	Ca 3
267	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ5	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	22/12/2025	Ca 3
268	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ5	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	22/12/2025	Ca 3
269	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ6	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	22/12/2025	Ca 3
270	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	ĐH13QĐ6	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	22/12/2025	Ca 3
271	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C5	3	Bài tập lớn	A.501	22/12/2025	Ca 3 + Ca 4
272	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C6	3	Bài tập lớn	A.502	22/12/2025	Ca 3 + Ca 4
273	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C7	3	Bài tập lớn	A.503	22/12/2025	Ca 3 + Ca 4
274	CTKM112	Phát triển ứng dụng trên nền Web	ĐH13C8	3	Bài tập lớn	A.504	22/12/2025	Ca 3 + Ca 4
275	KTPT119	Marketing quốc tế	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	22/12/2025	Ca 4
276	KTPT119	Marketing quốc tế	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	22/12/2025	Ca 4
277	KTPT119	Marketing quốc tế	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	22/12/2025	Ca 4
278	KTPT119	Marketing quốc tế	ĐH13MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	22/12/2025	Ca 4
279	MTĐQ193	Các biện pháp bảo quản thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	22/12/2025	Ca 5
280	MTĐQ193	Các biện pháp bảo quản thực phẩm	ĐH13ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	22/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
281	MTQM138	Hệ thống pháp luật về môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	22/12/2025	Ca 5
282	MTQM138	Hệ thống pháp luật về môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	22/12/2025	Ca 5
283	MTQM138	Hệ thống pháp luật về môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	22/12/2025	Ca 5
284	MTQM120	Hệ thống quản lý môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	22/12/2025	Ca 5
285	MTQM120	Hệ thống quản lý môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	22/12/2025	Ca 5
286	MTQM120	Hệ thống quản lý môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	22/12/2025	Ca 5
287	MTQM120	Hệ thống quản lý môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	22/12/2025	Ca 5
288	MTQM120	Hệ thống quản lý môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	22/12/2025	Ca 5
289	KBQB115	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	ĐH13QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.304	22/12/2025	Ca 5
290	ĐCQT118	Khai thác mỏ	ĐH13KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	22/12/2025	Ca 5
291	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	22/12/2025	Ca 5
292	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	22/12/2025	Ca 5
293	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	22/12/2025	Ca 5
294	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	22/12/2025	Ca 5
295	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	22/12/2025	Ca 5
296	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	22/12/2025	Ca 5
297	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	22/12/2025	Ca 5
298	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	22/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
299	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	22/12/2025	Ca 5
300	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	22/12/2025	Ca 5
301	KTKE103	Kế toán tài chính 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	22/12/2025	Ca 5
302	KTPT166	Marketing khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	22/12/2025	Ca 5
303	KTPT166	Marketing khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.204	22/12/2025	Ca 5
304	KTPT166	Marketing khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.205	22/12/2025	Ca 5
305	KTPT166	Marketing khách sạn	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.206	22/12/2025	Ca 5
306	TNTĐ117	Phân tích và đánh giá Tài nguyên nước dưới đất	ĐH13TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	22/12/2025	Ca 5
307	BKPB126	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	ĐH13BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	22/12/2025	Ca 5
308	KTKD108	Quản trị chiến lược	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	22/12/2025	Ca 5
309	KTKD108	Quản trị chiến lược	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	22/12/2025	Ca 5
310	KTKD108	Quản trị chiến lược	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	22/12/2025	Ca 5
311	KTKD108	Quản trị chiến lược	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	22/12/2025	Ca 5
312	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.208	22/12/2025	Ca 5
313	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.210	22/12/2025	Ca 5
314	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.301	22/12/2025	Ca 5
315	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH13LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	22/12/2025	Ca 5
316	QĐQB124	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	22/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
317	QĐQB124	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	22/12/2025	Ca 5
318	MTQT138	Điều tra, đánh giá và chi trả dịch vụ hệ sinh thái	ĐH13SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	22/12/2025	Ca 5
319	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C1	3	Bài tập lớn	A.501	23/12/2025	Ca 1 + Ca 2
320	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C2	3	Bài tập lớn	A.502	23/12/2025	Ca 1 + Ca 2
321	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C3	3	Bài tập lớn	A.503	23/12/2025	Ca 1 + Ca 2
322	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C4	3	Bài tập lớn	A.504	23/12/2025	Ca 1 + Ca 2
323	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	23/12/2025	Ca 2
324	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	23/12/2025	Ca 2
325	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	23/12/2025	Ca 2
326	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	23/12/2025	Ca 2
327	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C5	3	Bài tập lớn	A.501	23/12/2025	Ca 3 + Ca 4
328	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C6	3	Bài tập lớn	A.502	23/12/2025	Ca 3 + Ca 4
329	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C7	3	Bài tập lớn	A.503	23/12/2025	Ca 3 + Ca 4
330	CTKM113	Lập trình hệ thống nhúng	ĐH13C8	3	Bài tập lớn	A.504	23/12/2025	Ca 3 + Ca 4
331	LCPL118	Luật Thương mại 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	23/12/2025	Ca 4
332	LCPL118	Luật Thương mại 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	23/12/2025	Ca 4
333	LCPL118	Luật Thương mại 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	23/12/2025	Ca 4
334	LCPL118	Luật Thương mại 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	23/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
335	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	23/12/2025	Ca 4
336	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	23/12/2025	Ca 4
337	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH13M	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	23/12/2025	Ca 4
338	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	23/12/2025	Ca 4
339	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	23/12/2025	Ca 4
340	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	23/12/2025	Ca 4
341	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	23/12/2025	Ca 4
342	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	23/12/2025	Ca 4
343	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	23/12/2025	Ca 4
344	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	23/12/2025	Ca 4
345	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	23/12/2025	Ca 4
346	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	23/12/2025	Ca 4
347	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.304	23/12/2025	Ca 4
348	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	23/12/2025	Ca 4
349	BKPB148	Dao động và Biến đổi khí hậu	ĐH13K	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	23/12/2025	Ca 5
350	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	23/12/2025	Ca 5
351	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	23/12/2025	Ca 5
352	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	23/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
353	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	23/12/2025	Ca 5
354	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	23/12/2025	Ca 5
355	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	23/12/2025	Ca 5
356	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	23/12/2025	Ca 5
357	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	23/12/2025	Ca 5
358	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	23/12/2025	Ca 5
359	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	23/12/2025	Ca 5
360	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	23/12/2025	Ca 5
361	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	23/12/2025	Ca 5
362	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	23/12/2025	Ca 5
363	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	23/12/2025	Ca 5
364	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	23/12/2025	Ca 5
365	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	23/12/2025	Ca 5
366	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	23/12/2025	Ca 5
367	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	23/12/2025	Ca 5
368	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	23/12/2025	Ca 5
369	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	23/12/2025	Ca 5
370	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	23/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
371	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	23/12/2025	Ca 5
372	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	23/12/2025	Ca 5
373	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	23/12/2025	Ca 5
374	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	23/12/2025	Ca 5
375	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	23/12/2025	Ca 5
376	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	23/12/2025	Ca 5
377	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	23/12/2025	Ca 5
378	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	23/12/2025	Ca 5
379	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	23/12/2025	Ca 5
380	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	23/12/2025	Ca 5
381	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	23/12/2025	Ca 5
382	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	23/12/2025	Ca 5
383	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	23/12/2025	Ca 5
384	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	23/12/2025	Ca 5
385	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐH13	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	23/12/2025	Ca 5
386	BKPB138	Lao động di cư và việc làm bền vững	ĐH13BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	24/12/2025	Ca 2
387	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	24/12/2025	Ca 2
388	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	24/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
389	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	24/12/2025	Ca 2
390	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	24/12/2025	Ca 2
391	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	24/12/2025	Ca 2
392	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	24/12/2025	Ca 2
393	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	24/12/2025	Ca 2
394	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	24/12/2025	Ca 2
395	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	24/12/2025	Ca 2
396	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH13QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	24/12/2025	Ca 2
397	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ4	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	24/12/2025	Ca 3
398	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ4	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	24/12/2025	Ca 3
399	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ5	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	24/12/2025	Ca 3
400	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ5	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	24/12/2025	Ca 3
401	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ6	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	24/12/2025	Ca 3
402	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH13QĐ6	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	24/12/2025	Ca 3
403	KTDL140	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	ĐH13QTKS	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	24/12/2025	Ca 4
404	KTDL140	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	ĐH13QTKS	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	24/12/2025	Ca 4
405	KTDL140	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	ĐH13QTKS	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	24/12/2025	Ca 4
406	KTDL140	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	ĐH13QTKS	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	24/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
407	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	24/12/2025	Ca 5
408	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	24/12/2025	Ca 5
409	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	24/12/2025	Ca 5
410	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	24/12/2025	Ca 5
411	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	24/12/2025	Ca 5
412	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	24/12/2025	Ca 5
413	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	24/12/2025	Ca 5
414	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	24/12/2025	Ca 5
415	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	24/12/2025	Ca 5
416	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	24/12/2025	Ca 5
417	CTKU108	Khai phá dữ liệu	ĐH13C	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	24/12/2025	Ca 5
418	MTQM121	Kiểm toán môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	24/12/2025	Ca 5
419	MTQM121	Kiểm toán môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	24/12/2025	Ca 5
420	MTQM121	Kiểm toán môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	24/12/2025	Ca 5
421	MTQM121	Kiểm toán môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	24/12/2025	Ca 5
422	MTQM121	Kiểm toán môi trường	ĐH13QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	24/12/2025	Ca 5
423	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	24/12/2025	Ca 5
424	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	24/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
425	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	24/12/2025	Ca 5
426	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	24/12/2025	Ca 5
427	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	24/12/2025	Ca 5
428	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	24/12/2025	Ca 5
429	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	24/12/2025	Ca 5
430	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	24/12/2025	Ca 5
431	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	24/12/2025	Ca 5
432	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	24/12/2025	Ca 5
433	KTKE114	Kế toán quản trị 2	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	24/12/2025	Ca 5
434	LCPL115	Luật Dân sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	24/12/2025	Ca 5
435	LCPL115	Luật Dân sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	24/12/2025	Ca 5
436	LCPL115	Luật Dân sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	24/12/2025	Ca 5
437	LCPL115	Luật Dân sự 2	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	24/12/2025	Ca 5
438	KTKM121	Phân tích chi phí - lợi ích	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	24/12/2025	Ca 5
439	KTKM121	Phân tích chi phí - lợi ích	ĐH13KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	24/12/2025	Ca 5
440	KTPT168	Quản trị Marketing	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	24/12/2025	Ca 5
441	KTPT168	Quản trị Marketing	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	24/12/2025	Ca 5
442	KTPT168	Quản trị Marketing	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	24/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
443	KTPT168	Quản trị Marketing	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	24/12/2025	Ca 5
444	KVTV119	Trắc đặc trong thủy văn	ĐH13T	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	24/12/2025	Ca 5
445	ĐCQT121	Tài nguyên khoáng sản biển	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	24/12/2025	Ca 5
446	QĐCT111	Văn hoá và đạo đức kinh doanh	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	24/12/2025	Ca 5
447	QĐCT111	Văn hoá và đạo đức kinh doanh	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	24/12/2025	Ca 5
448	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
449	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
450	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
451	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
452	MTĐQ191	Phân tích vi sinh thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Thực hành	C.501	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
453	MTĐQ191	Phân tích vi sinh thực phẩm	ĐH13ĐA	3	Thực hành	C.507	25/12/2025	Ca 1 + Ca 2
454	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	25/12/2025	Ca 2
455	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	25/12/2025	Ca 2
456	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	25/12/2025	Ca 2
457	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	25/12/2025	Ca 2
458	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	25/12/2025	Ca 2
459	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	25/12/2025	Ca 2
460	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	25/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
461	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	25/12/2025	Ca 2
462	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	25/12/2025	Ca 2
463	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	25/12/2025	Ca 2
464	KTKE115	Đạo đức nghề nghiệp	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	25/12/2025	Ca 2
465	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	25/12/2025	Ca 3 + Ca 4
466	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	25/12/2025	Ca 3 + Ca 4
467	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	25/12/2025	Ca 3 + Ca 4
468	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	25/12/2025	Ca 3 + Ca 4
469	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	25/12/2025	Ca 3
470	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	25/12/2025	Ca 3
471	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	25/12/2025	Ca 3
472	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	25/12/2025	Ca 3
473	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	25/12/2025	Ca 3
474	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	25/12/2025	Ca 3
475	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	25/12/2025	Ca 4
476	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	25/12/2025	Ca 4
477	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	25/12/2025	Ca 4
478	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	25/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
479	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	25/12/2025	Ca 4
480	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	25/12/2025	Ca 4
481	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	25/12/2025	Ca 4
482	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	25/12/2025	Ca 4
483	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	25/12/2025	Ca 4
484	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	25/12/2025	Ca 4
485	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	25/12/2025	Ca 4
486	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	25/12/2025	Ca 4
487	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH13QTKD; QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	25/12/2025	Ca 4
488	LCPL122	Luật Lao động	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	25/12/2025	Ca 5
489	LCPL122	Luật Lao động	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	25/12/2025	Ca 5
490	LCPL122	Luật Lao động	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	25/12/2025	Ca 5
491	LCPL122	Luật Lao động	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	25/12/2025	Ca 5
492	QĐQB126	Marketing bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	25/12/2025	Ca 5
493	QĐQB126	Marketing bất động sản	ĐH13BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	25/12/2025	Ca 5
494	BKPB139	Phát triển cộng đồng	ĐH13BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	25/12/2025	Ca 5
495	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	25/12/2025	Ca 5
496	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	25/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
497	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	25/12/2025	Ca 5
498	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	25/12/2025	Ca 5
499	MTCM122	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	25/12/2025	Ca 5
500	KTDL139	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	25/12/2025	Ca 5
501	KTDL139	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	25/12/2025	Ca 5
502	KTDL139	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	25/12/2025	Ca 5
503	KTDL139	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH13QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	25/12/2025	Ca 5
504	ĐCQT119	Tuyển khoáng	ĐH13KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	25/12/2025	Ca 5
505	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	26/12/2025	Ca 1 + Ca 2
506	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	26/12/2025	Ca 1 + Ca 2
507	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	26/12/2025	Ca 1 + Ca 2
508	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	26/12/2025	Ca 1 + Ca 2
509	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.803	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
510	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.804	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
511	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.802	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
512	CTKM108	Công nghệ Java	ĐH13C	3	Thực hành	A.801	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
513	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ4	3	Thực hành	A.808	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
514	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ4	3	Thực hành	A.901	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
515	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ5	3	Thực hành	A.903	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
516	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ5	3	Thực hành	A.902	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
517	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ6	3	Thực hành	A.906	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
518	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	ĐH13QĐ6	3	Thực hành	A.910	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
519	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	26/12/2025	Ca 5
520	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	26/12/2025	Ca 5
521	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	26/12/2025	Ca 5
522	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	26/12/2025	Ca 5
523	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	26/12/2025	Ca 5
524	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	26/12/2025	Ca 5
525	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	26/12/2025	Ca 5
526	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	26/12/2025	Ca 5
527	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	26/12/2025	Ca 5
528	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	26/12/2025	Ca 5
529	KTKT112	Kiểm toán tài chính	ĐH13KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	26/12/2025	Ca 5
530	LCPL123	Luật Đất đai	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	26/12/2025	Ca 5
531	LCPL123	Luật Đất đai	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	26/12/2025	Ca 5
532	LCPL123	Luật Đất đai	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	26/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
533	LCPL123	Luật Đất đai	ĐH13LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	26/12/2025	Ca 5
534	QĐQB127	Định giá bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	26/12/2025	Ca 5
535	QĐQB127	Định giá bất động sản	ĐH13BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	26/12/2025	Ca 5
536	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	29/12/2025	Ca 3
537	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	29/12/2025	Ca 3
538	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	29/12/2025	Ca 3
539	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	29/12/2025	Ca 3
540	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	29/12/2025	Ca 3
541	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	29/12/2025	Ca 3
542	KTKD110	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	29/12/2025	Ca 5
543	KTKD110	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	29/12/2025	Ca 5
544	KTKD110	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	29/12/2025	Ca 5
545	KTKD110	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH13QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	29/12/2025	Ca 5
546	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	ĐH13LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	29/12/2025	Ca 5
547	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	ĐH13LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	29/12/2025	Ca 5
548	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	ĐH13LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	29/12/2025	Ca 5
549	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	ĐH13LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	29/12/2025	Ca 5
550	MTQM127	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	29/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
551	MTQM127	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	29/12/2025	Ca 5
552	MTQM127	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	29/12/2025	Ca 5
553	MTQM127	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	29/12/2025	Ca 5
554	MTQM127	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	ĐH13QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	29/12/2025	Ca 5
555	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	30/12/2025	Ca 3
556	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ4	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	30/12/2025	Ca 3
557	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	30/12/2025	Ca 3
558	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ5	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	30/12/2025	Ca 3
559	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	30/12/2025	Ca 3
560	QĐQB112	Thống kê đất đai	ĐH13QĐ6	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	30/12/2025	Ca 3
561	KTKD117	Quản trị tác nghiệp	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	30/12/2025	Ca 5
562	KTKD117	Quản trị tác nghiệp	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	30/12/2025	Ca 5
563	KTKD117	Quản trị tác nghiệp	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	30/12/2025	Ca 5
564	KTKD117	Quản trị tác nghiệp	ĐH13QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	30/12/2025	Ca 5

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên (để báo cáo);
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu VT, ĐT.VA (2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lưu Văn Huyền